

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 22-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Duy T, tên gọi khác: không, giới tính: nam, sinh năm: 1987 tại tỉnh Lâm Đồng. Nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Bùi Duy T1 và bà Đỗ Thị H. Bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 19/11/2004, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng 23 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS, theo Bản án số: 29/HSST. Ngày 9/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm tù, 5 năm thử thách về Tội cướp tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS, theo Bản án số 64/2008/HSST. Ngày 12/5/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 16 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS, tổng hợp với Bản án số 64/2008/HSST buộc phải chấp hành chung của 02 bản án là 52 tháng tù, theo Bản án số 45/2010/HSPT, ngày 07/2/2014 chấp hành xong hình phạt, tháng 10/2010 đã chấp hành xong án phí. Ngày 22/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS, theo Bản án số 19/2016/HSST, ngày 21/5/2019 chấp hành xong hình phạt, ngày 28/7/2016 đã nộp tiền án phí, bị cáo chưa nộp tiền bồi thường 5.000.000 đồng.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/7/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

+ chị Phan Thị D, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

+ anh Hoàng Văn S, sinh năm: 1998 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Thành G, sinh năm: 1978. Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 12/3/2021, anh Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda vison, biển số 93P2-456.65, đăng ký xe đứng tên chị Phan Thị D (là vợ S) đi đến quán “bi da 79” thuộc Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước chơi thì gặp Bùi Duy T. Do cần tiền tiêu xài, nên anh S và T cầm xe mô tô để lấy tiền chơi bi da, anh S chở T đến tiệm cầm đồ “GT” thuộc thôn 2, xã Đ cùng huyện Bù Đăng. Khi đến nơi, T nói với anh S ở ngoài chờ, còn T cầm giấy đăng ký xe và xe mô tô mà anh S đưa, T đi vào tiệm cầm xe cho ông Nguyễn Thành G. Ông G nhận xe, giấy đăng ký, viết giấy cầm xe và đưa 6.000.000 đồng cho T. T cầm 6.000.000 đồng ra đưa cho anh S, T mượn anh S 1.000.000 đồng, T giữ giấy cầm xe và T nói khi nào có tiền thì cả hai đi chuộc xe. Sáng ngày 13/3/2021, T đến gặp ông G bán xe mô tô biển số 93P2-456.65 với giá 20.000.000 đồng, ông G chỉ đưa cho T 14.000.000 đồng (vì ngày 12/3/2021 đã đưa cho T 6.000.000 đồng) và ông G thu lại giấy cầm xe. Đồng thời, ông G viết giấy mua bán xe đưa cho T. Khoảng 1 tuần sau, anh S yêu cầu T đi chuộc xe, nhưng T không gặp và không đi chuộc. Anh S đến tiệm cầm đồ của ông G thì phát hiện T đã bán xe cho ông G lấy 14.000.000 đồng, nên anh S về nói vợ mình là chị Phan Thị D trình báo hành vi lạm dụng của T đến Công an xã Thống Nhất. Sau đó, hồ sơ vụ việc được chuyển cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng điều tra, xác minh, xử lý cho đến nay.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 34/KL-ĐG ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: Xe mô tô, nhãn hiệu Honda vison, biển số 93P2-456.65 tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 28.000.000 đồng.

-Tại bản cáo trạng số: 01/CTr –VKS ngày 14/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Bùi Duy T về “ Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

-Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Duy T phạm “ Tội lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Áp dụng Điểm g khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Duy T từ 03 năm đến 04 năm tù.

+ Về vật chứng vụ án: Xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vision, biển số 93P2-456.65. Ngày 20/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phan Thị D nên không xem xét.

+Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị D đã nhận lại tài sản và trả cho ông Nguyễn Thành G số tiền 6.000.000đ, không yêu cầu gì nên không đặt ra.

Ông Nguyễn Thành G yêu cầu Bùi Duy T phải bồi thường 14.000.000đ, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông G số tiền 14.000.000đ.

+Về án phí buộc bị cáo nộp theo quy định.

-Đối với ông Nguyễn Thành G mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 93P2-456.65 do bị cáo T bán nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

-Tại phiên tòa bị cáo khai nhận cơ bản toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì đối với bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện viện kiểm sát và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo đối chiếu với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án cơ bản là phù hợp. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 12/3/2021, anh Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda vison, biển số 93P2-456.65, đăng ký xe đứng tên chị Phan Thị D (là vợ S) đi đến quán “bi da 79” thuộc Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước chơi thì gặp Bùi Duy T. Do cần tiền tiêu xài, nên anh S và T cầm xe mô tô để lấy tiền chơi bi da, anh S chở T đến tiệm cầm đồ “GT” thuộc thôn 2, xã Đ cùng huyện Bù Đăng. Khi đến nơi, T nói với anh S ở ngoài chờ, còn T cầm giấy đăng ký xe và

xe mô tô mà anh S đưa, T đi vào tiệm cầm xe cho ông Nguyễn Thành G. Ông G nhận xe, giấy đăng ký, viết giấy cầm xe và đưa 6.000.000 đồng cho T. T cầm 6.000.000 đồng ra đưa cho anh S, T mượn anh S 1.000.000 đồng, T giữ giấy cầm xe và T nói khi nào có tiền thì cả hai đi chuộc xe. Sáng ngày 13/3/2021, T đến gặp ông G bán xe mô tô biển số 93P2-456.65 với giá 20.000.000 đồng, ông G chỉ đưa cho T 14.000.000 đồng (vì ngày 12/3/2021 đã đưa cho T 6.000.000 đồng) và ông G thu lại giấy cầm xe. Đồng thời, ông G viết giấy mua bán xe đưa cho T.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 34/KL-ĐG ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: Xe mô tô, nhãn hiệu Honda vison, biển số 93P2-456.65 tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 28.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Bùi Duy T đã phạm vào “ Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, Ngày 19/11/2004, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng 23 ngày tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS, theo Bản án số: 29/HSST. Ngày 9/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm tù, 5 năm thử thách về Tội cướp tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS, theo Bản án số 64/2008/HSST. Ngày 12/5/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 16 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS, tổng hợp với Bản án số 64/2008/HSST buộc phải chấp hành chung của 02 bản án là 52 tháng tù, theo Bản án số 45/2010/HSPT, ngày 07/2/2014 chấp hành xong hình phạt, tháng 10/2010 đã chấp hành xong án phí. Ngày 22/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS, theo Bản án số 19/2016/HSST, ngày 21/5/2019 chấp hành xong hình phạt, ngày 28/7/2016 đã nộp tiền án phí, bị cáo chưa nộp tiền bồi thường 5.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và

phòng ngừa chung trong xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo và trở thành người có ích cho xã hội.

-Đối với ông Nguyễn Thành G mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 93P2-456.65 do bị cáo T bán nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 14.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và cùng với nhận định của hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Bùi Duy T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Duy T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Duy T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành G số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Duy T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

